TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24/5/2023
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên và bà Đinh Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 90/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H., sinh năm: 1984;

HKTT: Thôn 1, xã Ô.Đ, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

Hiện cư trú và làm việc tại Nhật Bản.

*** Bị đơn**: Anh Nguyễn Trọng Q. (Nguyễn Văn Q.), sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Thôn 1, xã Ô.Đ, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

- Người đại diện theo ủy quyền của anh Q.: Bà Nguyễn Thị Tuyết M., sinh năm 1999.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Q.: Bà Nguyễn Thu H1. - Luật sư Công ty Luật TNHH I & WE.

Đều địa chỉ: Số 6 ngõ 32 đường Ven hồ Hạ Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Cháu Nguyễn Trọng Q1., sinh ngày 09/5/2003;

2. Cháu Nguyễn Ngọc L., sinh ngày 02/6/2007;

Đều địa chỉ: Thôn 1, xã Ô.Đ, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

* Người làm chứng: Bà Đặng Thị T., sinh năm: 1948;

Địa chỉ : Thôn 1, xã Ô.Đ, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

(Có mặt cháu Q1., cháu L., bà T., luật sư Hương; vắng mặt chị Hạnh, anh Q., chị M.).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai các đương sự trong quá trình tố tụng cùng các tài liệu trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trọng Q. (Nguyễn Văn Q.) sau một thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ô.Đ, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên vào ngày 16/11/2002. Sau khi kết hôn chị và anh Q. chung sống tại thôn 1, xã Ô.Đ, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình vợ chồng chị và anh Q. chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, do anh Q. chơi bời, đánh đập vợ con, anh Q. không chịu làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Năm 2016 chị đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản, anh Q. không quan tâm gì đến chị, anh Q. không chung thuỷ với chị nên chị và anh Q. đã sống ly thân nhau từ năm 2018. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q..

Bị đơn anh Nguyễn Trọng Q. (Nguyễn Văn Q.) trình bày:

Anh xác định chị H. trình bày về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống là đúng.

Sau khi kết hôn, chị H. đi làm công nhân, anh lao động tự do, vợ chồng vẫn bình thường. Năm 2016, chị H. đi lao động tại Nhật Bản. Năm đầu tiên vợ chồng vẫn liên lạc quan tâm đến nhau. Đến năm 2018 thì chị H. cắt hết liên lạc, không gửi tiền về cho anh nuôi con; không có trách nhiệm gì với gia đình. Theo anh, chị H. có biểu hiện ngoại tình, anh phát hiện được từ cuối năm 2017. Anh có khuyên bảo nhưng chị H. không thay đổi và vợ chồng chấm dứt liên hệ. Có thời điểm chị H. gọi điện liên lạc với bạn của chị Hạnh, anh có được nghe điện thoại, anh có nói với chị H. hết hạn lao động 36 tháng về nước với bố con, anh vẫn tha thứ nhưng chị H. nói với anh nhất quyết không về nước. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chị H. và anh Q. đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng Q1., sinh ngày 09/5/2003 và cháu Nguyễn Ngọc L., sinh ngày 02/6/2007. Cháu L. đang ở với bà ngoại. Cháu Q1. đã trên 18 tuổi chị H. và anh Q. không yêu cầu giải quyết. Chị H. đề nghị được nuôi cháu L. cho đến khi cháu L. đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Q. cấp dưỡng nuôi con chung. Khi ly hôn anh Q. đề nghị giải quyết nuôi con chung theo nguyện vọng của cháu L..

Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị H. và anh Q. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H. đều đề nghị Tòa án không hòa giải và giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Trọng Q1. và cháu Nguyễn Ngọc L. thống nhất trình bày:

Các cháu là con đẻ của bố Nguyễn Văn Q. (Nguyễn Trọng Q.) và mẹ Nguyễn Thị H.. Mẹ H. đi lao động nước ngoài từ năm 2016. Từ khi đi lao động nước ngoài tại Nhật Bản mẹ H. chưa về thăm nhà lần nào. Thời kỳ bố mẹ chung sống với nhau ở trong nước, có việc bố Q. hay đi uống rượu về nhà đánh đập mẹ con các cháu, bố Q. không chung thủy với mẹ. Các cháu đều không đóng góp kinh tế gì với bố mẹ

và không có tài sản riêng. Nay mẹ H. khởi kiện ly hôn với bố, các cháu đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bố mẹ.

Cháu L. hiện đang ở với bà ngoại Đặng Thị T.. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin ở với mẹ H..

Người làm chứng là bà Đặng Thị T. trình bày:

Chị H. là con gái của bà đã kết hôn với anh Nguyễn Trọng Q., có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ô.Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do anh Q. không chịu làm ăn, rượu chè, cờ bạc quan hệ trai gái ngoài vợ chồng nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột đánh cãi chửi nhau. Anh Q. thường xuyên có tính bạo lực với chị Hạnh. Năm 2016, chị H. đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản, vợ chồng anh Q. và chị H. không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị H. khởi kiện xin ly hôn anh Q., bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Anh Q., chị H. có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng Q1., sinh ngày 09/5/2003 và cháu Nguyễn Ngọc L., sinh ngày 02/6/2007. Cháu L. đang ở với bà. Cháu Q1. đã trên 18 tuổi. Bà đề nghị Toà án giao cháu L. cho chị H. nuôi dưỡng, bà nhận trách nhiệm nuôi dưỡng chăm sóc cháu L. cho đến khi chị H. về nước.

Xác minh tại UBND xã Ô.Đ thể hiện: Chị H. và anh Q. lấy nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Ô.Đ ngày 16/11/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại thôn 1, xã Ô.Đ, huyện K.C, Hưng Yên. Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát do anh Q. không chịu làm ăn, đánh nhau, cờ bạc. Năm 2016, chị H. đi Nhật Bản lao động còn anh Q. ở nhà. Về con chung thì vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Trọng Q1., sinh ngày 09/5/2003 và cháu Nguyễn Ngọc L., sinh ngày 02/6/2007. Quan điểm của ủy ban đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung theo nguyện vọng của vợ chồng.

Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp:

Trường hợp chị Nguyễn Thị H. đã sử dụng hộ chiếu số C1548133 để xuất cảnh ngày 27/7/2016 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Cháu Nguyễn Trọng Q1. và cháu Nguyễn Ngọc L. xác định bố mẹ không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Về mâu thuẫn thì xuất phát từ cả hai phía và bố Q. có hành vi bạo lực với ba mẹ con các cháu là sự thật. Việc bố Q. không muốn ly hôn và xin đoàn tụ chỉ vì lý do tiền bạc, tài chính chứ không phải vì tình cảm. Vì vậy hai cháu đề nghị Tòa án giải quyết để bố mẹ ly hôn. Trong trường hợp bố mẹ phải ly hôn, cháu L. xin được ở với mẹ H..

Bà Đặng Thị T. trình bày mâu thuẫn giữa chị H. và anh Q. đã xảy ra từ năm 2005 bởi anh Q. có nhiều hành vi bạo lực với mẹ con chị Hạnh. Trong cuộc sống, anh Q. hay cờ bạc, rượu chè và có những lời lẽ, hành động chửi bới xúc phạm gia đình bà. Gia đình đã tạo nhiều lần tạo điều kiện để anh Q. thay đổi, tu chí làm ăn, để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả. Hiện nay, cháu L. đang ở với bà còn cháu Q1. đang ở với anh Q.. Trường hợp anh chị ly hôn và

chị H. được nuôi cháu L., bà nhận trách nhiệm chăm sóc cháu L. thay cho chị Hạnh.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Q. đề nghị xem xét tổng thể mối quan hệ và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng để cho anh Q. có cơ hội đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ, Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tống đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.. Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 73, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Cho chị Nguyễn Thị H. được ly hôn anh Nguyễn Trọng Q. (Nguyễn Văn Q.). Giao cho chị Nguyễn Thị H. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc L., sinh ngày 02/6/2007 cho đến khi cháu L. đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Trọng Q1. đã trên 18 tuổi không đặt ra giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H. không yêu cầu anh Q. cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ nần và các vấn đề khác không giải quyết.

Về án phí: Chị H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Theo Văn bản số 750/QLXNC-P5 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an ngày 11/01/2023 thì chị Nguyễn Thị H. đang cư trú tại nước ngoài. Chị H. và anh Q. đều có hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã Ô.Đ, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Q., chị H. nhưng anh chị đều có đơn xin xử vắng mặt; đại diện theo ủy quyền của anh Q. là chị M. vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và đại diện theo ủy quyền theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân giữa chị H. và anh Q. được xác lập hợp pháp từ ngày 16/11/2002. Hai anh chị đều thừa nhận vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, kết quả có hai con chung. Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, về làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Cả anh Q. và chị H. đều nghi ngờ phía bên kia

không chung thuỷ dẫn tới hai anh chị đều không có sự tôn trọng lẫn nhau. Hai bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình.

Chị H. xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Hai bên thực sự không còn quan tâm, chia sẻ, liên lạc với nhau, kinh tế độc lập, việc của ai người đó làm. Trên cơ sở cung cấp của hai cháu Q1., Linh và chính quyền địa phương thì việc anh Q. có hành vi bạo lực trong gia đình đối với chị H. cũng như hai con chung, hay cờ bạc rượu chè, không quan tâm đến gia đình là sự thật. Phù hợp với lời khai của chị Hạnh. Anh Q. mặc dù mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không đến phiên tòa để trình bày quan điểm, ý kiến của mình; bản thân anh cũng không đưa ra được các giải pháp nhằm tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Trên thực tế thì cả hai anh chị đã ly thân và không còn liên lạc với nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Do vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H. và anh Q. đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hạnh, cho chị H. được ly hôn với anh Q. để hai anh chị sớm ổn định cuộc sống mới.

[2.2]. Về con chung:

Chị H. và anh Q. có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng Q1., sinh ngày 09/5/2003 và cháu Nguyễn Ngọc L., sinh ngày 02/6/2007. Cháu L. đang ở với bà ngoại là Đặng Thị T.. Cháu Q1. đã trên 18 tuổi, chị H. và anh Q. không yêu cầu giải quyết.

Đối với cháu L. thì Chị H. và anh Q. đều đề nghị được nuôi. Bản thân cháu L. có nguyện vọng ở với mẹ nên Hội đồng xét xử sẽ giao cháu L. cho chị H. nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Q. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T. nhận trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L. cho đến khi chị H. về nước đón cháu.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị H. và anh Q. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H..

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H. ly hôn anh Nguyễn Trọng Q. (Nguyễn Văn Q.).

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H. tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc L., sinh ngày 02/6/2007 cho đến khi cháu L. đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H. không yêu cầu anh Q. cấp dưỡng nuôi con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của bà T. chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. cho đến khi chị H. về nước đón cháu.

Đối với con chung là cháu Nguyễn Trọng Q1., sinh ngày 09/5/2003 đã trên 18 tuổi, anh Q. và chị H. không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Anh Q. có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung; không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, chị H. và anh Q. có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Chị H. và anh Q. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H. phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0000195 ngày 23/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị H. đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Trọng Q. (Nguyễn Văn Q.) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, chị Nguyễn Thị H. được quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Ô.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trung Thực